

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 11 năm 2019

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Hảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn
2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1961

HKTT: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Thân Thị Đ, sinh năm 1967

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trịnh Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông có đăng ký kết hôn với bà Thân Thị Đ vào ngày 07/02/1985 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Bắc (Nay là thành phố B,

tỉnh Bắc Giang), trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn ông và bà Đ về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 1999 thì bà Đ bỏ đi biệt tích cho đến nay, ông không biết nguyên nhân bà Đ bỏ đi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1999 đến nay. Hiện bà Đ đã bị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên bố mất tích. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho ông được ly hôn bà Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có 03 con chung là Trịnh Văn T, sinh ngày 05/6/1987, Trịnh Văn L, sinh ngày 22/11/1990 và Trịnh Hoa P, sinh ngày 01/8/1995, hiện các cháu đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn là bà Thân Thị Đ đã bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 29/8/2019. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo thủ tục chung của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Đ vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án cũng như tại các phiên tòa và không cung cấp quan điểm cho tòa án.

+ Tại phiên tòa ngày 28/11/2019, ông Đ có đơn xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn Đ và xử cho ông Đ được ly hôn bà Thân Thị Đ. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Ông Trịnh Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Thân Thị Đ có địa chỉ cư trú cuối cùng tại thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Thân Thị Đ đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và được Tòa án triệu tập hợp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, ông Trịnh Văn Đ có đơn xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ, bà Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn Đ và bà Thân Thị Đ kết hôn ngày 07/02/1985 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa ông Đ và bà Đ là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 1999 thì bà Đ bỏ đi biệt tích cho đến nay không rõ nguyên nhân. Vợ chồng đã ly thân từ năm 1999 đến nay. Hiện bà Đ đã bị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B. Nay ông Đ không còn tình cảm với bà Đ và xin ly hôn bà Đ, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà Đ có 03 con chung là Trịnh Văn T, sinh ngày 05/6/1987, Trịnh Văn L, sinh ngày 22/11/1990 và Trịnh Hoa P, sinh ngày 01/8/1995, hiện các con đều đã trưởng thành, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 2 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Ông Trịnh Văn Đ được ly hôn bà Thân Thị Đ.

2.2. Về án phí: Ông Trịnh Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Đ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001129 ngày 24/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B,
- CCTHADS TP. B,
- UBND xã Đ, thành phố B.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo